

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DS - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia

Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST - DS ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1975

Địa chỉ: 399B HV, tổ 01, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 11 TKD, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Giấy ủy quyền vào sổ công chứng số 23 quyền số 01 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Văn phòng công chứng TV)

Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị E, sinh năm 1972

Địa chỉ: Hẻm 376 TC, tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2021, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O – ông Lê Đức T trình bày:

Bà Nguyễn Thị O và bà Vũ Thị E có quen biết nhau từ trước. Ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch (tức ngày 14 tháng 01 năm 2016), bà E có đến nhà và vay của bà O số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và viết 01 (một) Hợp đồng cho vay tiền giao cho bà O giữ. Theo đó bà E cam kết khi nào bà O cần lấy lại số tiền trên thì bà E sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh trong thời gian vay với mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Đến tháng 4 năm 2018, vì cần tiền để kinh doanh nên bà O đã chủ động liên hệ và yêu cầu bà E có nghĩa vụ phải hoàn trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh trong thời gian vay. Mặc dù bà O đã nhiều lần yêu cầu bà E phải trả số tiền trên nhưng bà E cứ hẹn mà không chịu trả.

Nay bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết, buộc bà Vũ Thị E phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà O toàn bộ số tiền gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Cụ thể, số tiền lãi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị E phải trả cho bà O là $70.000.000 \text{ đồng} \times 68 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 39.508.000$ (ba mươi chín triệu năm trăm lẻ tám nghìn) đồng. Tổng cộng các khoản tiền gốc và lãi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị E phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị O là $70.000.000 \text{ đồng} + 39.508.000 \text{ đồng} = 109.508.000$ (một trăm lẻ chín triệu năm trăm lẻ tám nghìn) đồng

Tại phiên tòa, bị đơn bà Vũ Thị E vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2021, ý kiến của bà Vũ Thị E như sau:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O vì bà không vay số tiền đó. Bà cho rằng Hợp đồng vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch là do bà Nguyễn Thị O làm giả. Chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền không phải của bà. Trước đây bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị O (bà không nhớ rõ vay vào thời gian nào) số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và có thể chấp cho bà O Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khoản nợ này bà đã trả hết cho bà O và bà O đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Thời điểm đó khi vay tiền thì nội dung vay tiền giữa bà và bà O được ghi vào quyển sổ do bà O giữ. Khi bà trả tiền thì số tiền trả cũng được trừ dần vào sổ đó và bà chưa bao giờ nhìn thấy Hợp đồng cho vay tiền 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch như bà O đã kiện nên bà không trả nợ cho bà O vì bà không vay. Việc bà có yêu cầu chuyển qua công an về giám định chữ ký hay không thì bà xin được suy nghĩ trong vòng 01 tuần rồi sau đó sẽ phản hồi cho Tòa án biết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị xét xử không được đảm bảo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O và Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đức Thọ chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn bà Vũ Thị E, việc tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng không đảm bảo.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O, buộc bà Vũ Thị E trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà Vũ Thị E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch có nội dung thỏa thuận: *“Nếu Bên A cần lấy lại tiền cho Bên B vay*

Thì bên B có trách nhiệm phải trả lại số tiền trên cho Bên A”.

Bà Vũ Thị E không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bà Nguyễn Thị O có yêu cầu nên bà O đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch tương ứng là ngày 14 tháng 01 năm 2016 có nội dung xác lập giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị O và bà Vũ Thị E nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Vũ Thị E cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Vũ Thị E để bà E trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt bà E.

[2] Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch thì: *“Bên A: (Bên cho vay)*

- Tôi tên là Nguyễn thị O

- Địa chỉ: 399b HV – P – gia lai

Có cho bên B là Ông (bà): Bà Vũ Thị E. Địa chỉ Tổ 2 tb

Vay số tiền là: 70.000.000 (Bằng chữ) bảy mươi triệu”

Bên dưới mục “Bên B” có chữ ký và ghi tên Vũ Thị E. Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch do bà O giữ và giao nộp bản gốc cho Tòa án.

Bà Vũ Thị E cho rằng Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch là giả mạo; chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền không phải do bà E viết và ký. Tuy nhiên, bà Vũ Thị E không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trong Hợp đồng cho vay tiền này; bà cũng không hợp tác đến Tòa án cung cấp các mẫu chữ ký và chữ viết so sánh để Tòa án trưng cầu giám định chữ viết theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị O. Tòa án cũng không nhận được văn bản yêu cầu thu thập các tài liệu chứa chữ ký, chữ viết của bà E do các cơ quan, tổ chức khác đang lưu trữ mà bà không thể tự mình thu thập được. Tòa án đã liên hệ xác minh tại chính quyền địa phương nhưng *“bà E không tham gia các hoạt động, phong trào cũng như các cuộc họp của tổ dân phố và cũng không đóng các khoản kinh phí hàng năm cho tổ nên không có chữ ký, chữ viết gì của bà E lưu ở tổ 2....”* (Biên bản xác minh ngày 17 tháng 6 năm 2021) vì vậy Tòa án cũng không thu thập được mẫu chữ ký và chữ viết nào khác của bà E tại nơi bà cư trú. Dựa trên các chữ ký của bà Vũ Thị E lưu lại hồ sơ vụ án, Phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Gia Lai không tiến hành giám định kết luận truy nguyên vì “*Chữ ký, chữ viết họ tên “Vũ Thị E” trên các tài liệu mẫu so sánh ít, không ổn định, thời điểm viết, ký không trùng với thời điểm xảy ra vụ việc. Do đó phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai không đủ cơ sở để tiến hành giám định kết luận truy nguyên.*

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tiến hành thu thêm mẫu chữ viết, chữ ký tự nhiên của bà “Vũ Thị E” thời điểm trước, trong và sau thời điểm xảy ra vụ việc mỗi loại 03 (ba) mẫu gửi đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai để thực hiện giám định” (Công văn số 327/TLCVGD ngày 02 tháng 8 năm 2021). Do vậy, hoàn toàn không có căn cứ pháp lý xác định chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch không phải là chữ ký và chữ viết của bà Vũ Thị E.

Bà Nguyễn Thị O và bà Vũ Thị E đều thống nhất hai bên có giao dịch về tiền bạc với nhau trước đây. Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch là khoản vay độc lập nhưng bà E không chứng minh được bản thân đã trả xong khoản nợ này. Trong Hợp đồng cho vay tiền không ấn định thời hạn cụ thể cho nên đây là loại Hợp đồng cho vay không kỳ hạn, nghĩa vụ trả nợ của bên vay phát sinh khi bên vay đòi lại tài sản vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O là hoàn toàn có căn cứ, cần buộc bà Vũ Thị E có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền nợ gốc là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Hợp đồng cho vay tiền ngày 05 tháng 12 năm 2015 âm lịch tương ứng là ngày 14 tháng 01 năm 2016 không thể hiện nội dung về tiền lãi cũng như lãi suất nên chỉ có cơ sở xác định đây là khoản vay không có lãi. Tuy nhiên, bà Vũ Thị E phải chịu lãi chậm trả được tính từ thời điểm sau khoảng thời gian hợp lý được bà Nguyễn Thị O báo trước nhưng vẫn không thực hiện. Do không có căn cứ xác định thời gian bà O yêu cầu bà E thực hiện nghĩa vụ là tháng 4 năm 2018 nên thời điểm tính lãi chậm trả được xác định từ ngày khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 và Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng, cụ thể:

$70.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 5.229.000$ (năm triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng

Như vậy có cơ sở xác định, bà Vũ Thị E nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị O, bà E đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà Vũ Thị E trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền tổng cộng gốc và lãi là 75.229.000 (bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị O được chấp nhận nên bà Vũ Thị E phải chịu án phí: $75.229.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.761.450$ (ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 122, Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 2 Điều 97, Điều 186, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu bà Vũ Thị E thanh toán nợ vay.

Buộc bà Vũ Thị E trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 75.229.000 (bảy mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Vũ Thị E phải chịu 3.761.450 (ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.621.500 (hai triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0005949 ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị O có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Vũ Thị E vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thanh Thúy

